

CÔNG TY TNHH LN  
HÀ THANH  
MST: 4100258881

Số: 302/BC-LNHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bình Định, ngày 13 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Đánh giá về kết quả thực hiện**  
**kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Năm 2023 là năm kinh tế rất khó khăn đối với ngành gỗ, đặc biệt giai đoạn những tháng đầu năm hầu như các nhà máy ngừng thu mua do không có đơn hàng tiêu thụ, tuy nhiên với sự nỗ lực tập thể công ty trong năm 2023 đơn vị đã vượt qua khó khăn hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra về doanh thu, lợi nhuận (chi tiết theo bảng số 1).

Công ty được UBND tỉnh Bình Định giao quản lý 13.305,2 ha rừng tự nhiên, Công ty đã triển khai các giải pháp để quản lý bảo vệ số diện tích trên. Kết quả Công ty thực hiện quản lý bảo vệ tốt 13.305,2 ha.

2. Thuận lợi và khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

\* Thuận lợi và khó khăn

a. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở Ban ngành và chính quyền địa phương nơi địa bàn đóng chân.

- Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ được UBND Tỉnh phê duyệt, trong đó đã thực hiện các phương án: Phương án tổ chức nhân sự; phương án sử dụng đất, phương án tài chính (bổ sung vốn điều lệ) đã tạo cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động ngày một hiệu quả hơn.

- Tập thể CBNV Công ty đồng lòng quyết tâm, ra sức phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Nhà nước giao.

- Đơn vị giữ được mối quan hệ và niềm tin với những khách hàng thân thiết, nên đầu ra ổn định.

b. Khó khăn

- Hiện tượng sâu, bệnh cây keo phát triển mạnh ảnh hưởng lớn đến năng suất và chất lượng gỗ.

- Những tháng đầu năm 2023 thị trường gỗ gấp rất nhiều khó khăn hầu như các nhà máy đều ngừng thu mua hoặc có thu mua thì giá rất thấp chỉ từ 1.000.000 đồng/tấn đến 1.100.000 đồng/tấn, làm đơn vị gấp rất nhiều khó khăn khi thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong năm.

- Sản phẩm tiêu thụ chính của công ty là gỗ keo rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC, trong đó chủ yếu là gỗ keo nguyên liệu giấy, gỗ keo gia dụng chiếm khoản 30% tổng sản lượng, trong khi đó giá bán giữa gỗ keo nguyên liệu giấy có chứng chỉ FSC và không FSC không có khác biệt nhiều.

- Thời tiết mưa nhiều, tuyết đường vận chuyển thường xuyên hư hỏng, làm tăng chi phí khai thác của Công ty.

- Vấn đề thiếu vốn sản xuất thường xuyên diễn ra, Chi phí vay vốn đầu tư trồng rừng với lãi suất cao.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng hiện nay vô cùng khó khăn và gian khổ, các đối tượng vi phạm về phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật hoạt động ngày càng tinh vi, rất khó phát hiện và bắt quả tang. Mặc khác cuộc sống của người dân ở các khu vực gần rừng chủ yếu phụ thuộc vào các nguồn thu nhập từ rừng, thực trạng này đã tạo sức ép không nhỏ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng. Ngoài ra, nhận thức của đại bộ phận nhân dân sống gần rừng về vai trò và ý thức trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chưa được nâng cao, người dân có sở thích dùng các sản phẩm từ gỗ rừng tự nhiên, nên tình trạng phá rừng vẫn còn tiếp diễn.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| STT | Nội dung                           | DVT     | Kế hoạch | Thực hiện | Thực hiện/Kế hoạch (%) |
|-----|------------------------------------|---------|----------|-----------|------------------------|
| 1   | Sản phẩm chủ yếu sản xuất          |         |          |           |                        |
| a   | Khai thác gỗ keo rừng trồng        | tấn     | 23.950   | 23.332,3  | 97,42                  |
| b   | Khai thác gỗ keo rừng trồng        | ha      | 211      | 220       | 104,27                 |
| 2   | Tổng doanh thu và thu nhập         | Tỷ đồng | 42.913   | 43.134    | 100,51                 |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế               | Tỷ đồng | 5.140    | 5.355     | 104,18                 |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                 | Tỷ đồng | 4.284    | 4.294     | 100,23                 |
| 5   | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước  | Tỷ đồng |          | 1.411     |                        |
| 6   | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)  |         |          |           |                        |
| 7   | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) |         |          |           |                        |

|    |                              |         |          |          |       |
|----|------------------------------|---------|----------|----------|-------|
| -  | Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên | Ha      | 13.305,2 | 13.305,2 | 100   |
| 8  | Tổng lao động                | Người   | 51       | 50       | 98,03 |
| 9  | Tổng quỹ lương               | Tỷ đồng | 6.610    | 6.801    | 102,9 |
| a) | - Quỹ lương quản lý          | Tỷ đồng | 1.668    | 1.752    | 105,0 |
| b) | - Quỹ lương lao động         | Tỷ đồng | 4.942    | 5.049    | 102,2 |

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN  
(không có)**

**III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON (không có).**

*Nơi nhận:*

- Lãnh đạo Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Phòng TCHC (T/h công bố thông tin);
- Lưu: VT, KTTC, KH.

